

KẾ HOẠCH

Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Lai Châu năm 2025

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 20/5/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Kết quả công bố của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) ngày 06/5/2025 về Báo cáo Chỉ số PCI năm 2024, theo đó tổng điểm PCI của tỉnh Lai Châu đạt **67,67** điểm (tăng 1,12 điểm so với năm 2023), xếp hạng **33/63 tỉnh, thành phố** (thuộc nhóm trung bình cả nước), **tăng 02** bậc so với năm 2023, xếp thứ 5/14 so với các tỉnh khu vực Trung du và miền núi phía Bắc. Để tiếp tục cải thiện mạnh mẽ hơn nữa môi trường đầu tư, kinh doanh, năng lực cạnh tranh của tỉnh năm 2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tỉnh Lai Châu năm 2025, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục cải thiện, nâng cao chỉ số PCI của tỉnh, khắc phục những hạn chế, yếu kém, đề ra giải pháp tự hoàn thiện, cải thiện rõ nét hơn về môi trường kinh doanh của tỉnh theo hướng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, góp phần tạo môi trường kinh doanh thực sự thông thoáng, minh bạch, năng động và thuận lợi thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

2. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Lai Châu năm 2025 đạt mức trung vị của cả nước cả về điểm số và thứ hạng (khoảng 67,7-69,0 điểm, duy trì mức xếp hạng từ 18-20 trong các tỉnh, thành phố). Trong đó, tập trung cải thiện mạnh điểm số các chỉ số thành phần có điểm số và thứ hạng thấp, có xu hướng giảm điểm; duy trì và tiếp tục cải thiện các chỉ số có xu hướng tăng điểm.

(Mục tiêu cụ thể các Chỉ số thành phần (CSTP) theo Phụ lục 1 kèm theo)

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

1.1. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết, đề án của Chính phủ và của tỉnh, tập trung chỉ đạo triển khai tốt Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 20/5/2021 của Đảng bộ tỉnh và Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 11/6/2021 của UBND tỉnh về Phê duyệt đề án “Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”.

1.2 Các cấp, các ngành, địa phương quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Quốc hội, Kế hoạch hành động của Chính phủ, Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch của UBND tỉnh.

1.3. Các cấp, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động nghiên cứu, phân tích nguyên nhân tăng, giảm chỉ số PCI của tỉnh trong lĩnh vực có liên quan, từ đó đề ra giải pháp khắc phục triệt để, giữ vững và tiếp tục cải thiện nâng cao các chỉ tiêu, CSTP có xu hướng tăng điểm, tăng hạng; quyết liệt đẩy mạnh các chỉ tiêu, chỉ số bị giảm sút hoặc chậm cải thiện.

1.4. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và chất lượng cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận một cửa, đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp tiếp xúc với doanh nghiệp. Thực hiện nghiêm quy chế làm việc; tăng cường kỷ luật, kỷ cương công vụ, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi sách nhiễu, gây phiền hà khi giải quyết công việc liên quan đến người dân, doanh nghiệp.

1.5. Nâng cao chất lượng đối thoại giữa chính quyền tỉnh với doanh nghiệp; đồng thời phát huy hiệu quả của đường dây nóng, hỏi đáp trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để tiếp nhận và nhanh chóng xử lý các vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ công tác của UBND tỉnh, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện những nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư, dự án đầu tư để kịp thời nắm bắt, giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

1.6. Nâng cao chất lượng, phát huy hiệu quả đào tạo của các trường nghề, tăng cường liên kết chặt chẽ giữa các khâu đào tạo, giới thiệu việc làm và doanh nghiệp tuyển dụng. Nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến, thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp về tìm hiểu, đầu tư vào tỉnh, nhất là các nhà đầu tư lớn, các dự án có công nghệ cao, thân thiện với môi trường, tạo nguồn thu ngân sách lớn, các dự án trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng công nghiệp, thương mại dịch vụ, hạ tầng đô thị,...

1.7. Thực hiện tốt việc hướng dẫn doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện công tác đăng ký nhu cầu sử dụng đất phù hợp với các quy hoạch; cải thiện chất lượng hồ sơ địa chính; giải quyết những vấn đề do sự chồng chéo, chưa thống nhất các quy

hoạch pháp luật để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho DN tiếp cận đất đai; đơn giản hóa các thủ tục hành chính (TTHC), xử lý kịp thời các vấn đề liên quan tới đất đai; nâng cao chất lượng quản lý đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế và doanh nghiệp tại tỉnh.

1.8. Tiếp tục thực hiện Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025, đảm bảo tính liên kết, thống nhất, đồng bộ, hiệu quả, phát triển bền vững với tầm nhìn dài hạn, định hướng phát triển tổng thể; chủ động nâng cao tinh thần trách nhiệm, chất lượng, hiệu quả công tác quản lý quy hoạch để vừa bảo đảm việc triển khai trong thực tế, vừa tận dụng tối đa các nguồn lực trong quá trình thực hiện; tập trung giải ngân vốn đầu tư công; đẩy nhanh tiến độ các dự án đã, đang triển khai; tạo điều kiện thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng; chuẩn bị các điều kiện để điều chỉnh quy hoạch tỉnh Lai Châu đảm bảo phù hợp với chính quyền 2 cấp và khai thác được các tiềm năng, lợi thế của địa phương.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể theo các CSTP.

2.1 Các CSTP: “Gia nhập thị trường”, “Cạnh tranh bình đẳng” và “Chính sách hỗ trợ trợ doanh nghiệp”.

a) Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính.

b) Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan.

c) Nhiệm vụ:

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh thực hiện triển khai, cụ thể hóa Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, để làm cơ sở thực hiện thu hút vốn đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tập trung cải cách TTHC với trọng tâm là thực hiện tốt cơ chế phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc đề xuất đơn giản hóa, cải tiến quy trình, rút ngắn thời gian đăng ký thành lập, thay đổi, bổ sung: Đăng ký kinh doanh, cấp Giấy chứng nhận đầu tư; Tổ chức, hướng dẫn, khuyến khích doanh nghiệp đăng ký kinh doanh trực tuyến, triển khai hiệu quả các thủ tục công bố thông tin doanh nghiệp theo phương thức điện tử; giải quyết đúng thời hạn 100% hồ sơ đăng ký; quán triệt, chỉ đạo công chức, viên chức nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ doanh nghiệp thân thiện, nhiệt tình.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và ban hành danh mục, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh để các nhà đầu tư chủ động trong việc tiếp cận thông tin và lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực đầu tư phù hợp.

- Tham mưu triển khai có hiệu quả Văn bản số 2125/UBND-KSTT ngày 14/5/2025 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh kỷ cương, tăng cường trách nhiệm,

khắc phục hạn chế, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp; chủ trì theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Công điện số 63/CĐ-TTg ngày 12/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ, kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh những vấn đề phát sinh, vượt thẩm quyền theo quy định.

- Tăng cường phổ biến chính sách, pháp luật mới và công bố đầy đủ các quy định về điều kiện kinh doanh cho các doanh nghiệp trên website của sở; Tham mưu điều chỉnh phương pháp luận và triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) tỉnh Lai Châu; Chủ trì theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình Xúc tiến đầu tư tỉnh Lai Châu năm 2025 theo Quyết định số 171/QĐ-UBND ngày 21/01/2025.

2.2 CSTP “Tiếp cận đất đai”

a) Cơ quan chủ trì: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

b) Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Nhiệm vụ:

- Tiếp tục rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng giá đất, tích tụ, tập trung đất đai. Tham mưu, phối hợp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến đất đai, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng. Tăng cường tuyên truyền, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. Hướng dẫn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp lập, hoàn thiện hồ sơ khi thực hiện các TTHC, đảm bảo “tăng tỷ lệ người dân và doanh nghiệp nộp được hồ sơ hợp lệ ngay từ lần nộp đầu tiên và giảm tỷ lệ hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung ở mức thấp nhất”.

- Tiếp tục rà soát những TTHC thường xuyên phát sinh số lượng lớn, liên quan đến nhiều người dân, doanh nghiệp để cải tiến mạnh mẽ về thời gian và chất lượng phục vụ, giải quyết.

- Tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc các xã, phường rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện bảo đảm phù hợp với quy hoạch cấp trên được duyệt, công khai thông tin về khu đất, quỹ đất sạch để doanh nghiệp, người dân dễ dàng tiếp cận.

- Thu hồi đất đối với các dự án sử dụng đất không hiệu quả, dự án không triển khai, tạo quỹ đất cho doanh nghiệp có năng lực thực hiện dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh; Ưu tiên nguồn lực để hoàn thiện đo đạc chính quy, xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, cấp Giấy chứng nhận và cập nhật, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính, điều tra, đánh giá đất đai đảm bảo đáp ứng cho công tác quản lý đất đai tại địa phương; bố trí nguồn kinh phí để đưa khoa học

công nghệ, số hóa từ quy hoạch đến thông tin thừa đất phục vụ Nhà đầu tư, người dân và định hướng phát triển kinh tế, xã hội.

- Tiếp tục nêu cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác trong thực thi nhiệm vụ tại cơ quan; kiên quyết ngăn chặn, xử lý cán bộ, công chức, viên chức gây nhũng nhiễu, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc, chậm trễ giải quyết TTHC; Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý việc sử dụng đất của các tổ chức; kiểm tra, thanh tra công vụ để đảm bảo các cơ chế, chính sách, trình tự, thủ tục liên quan đến đất đai và việc thực thi của các cấp, các ngành có liên quan công khai, minh bạch, kịp thời, thuận lợi, tiết kiệm thời gian và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

- Thực hiện thông báo, niêm yết công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về: Khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; các khu vực được phê duyệt là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc các khu vực phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản; các khu vực mỏ được đưa vào Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng khoáng sản trong Quy hoạch tỉnh.

- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản để lựa chọn tổ chức doanh nghiệp có năng lực, kinh nghiệm, sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm thu hồi tối đa khoáng sản chính, các khoáng sản đi kèm và bảo vệ môi trường.

2.3 CSTP “Tính năng động của chính quyền tỉnh”

a) Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính; các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Nhiệm vụ:

- Chủ trì tham mưu rà soát, cắt giảm thời hạn giải quyết TTHC, nâng cao chất lượng giải quyết TTHC đảm bảo giải quyết trước hoặc đúng thời gian theo quy định; công khai, minh bạch việc giải quyết TTHC đối với người dân, doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp, Bộ phận Một cửa cấp xã; thường xuyên phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện đồng bộ các giải pháp, khắc phục những tồn tại, hạn chế từng bước nâng cao chất lượng giải quyết TTHC tại Trung tâm.

- Rà soát, đề xuất, tích hợp để cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến thuộc chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Tiếp tục đề xuất các giải pháp thực hiện có hiệu quả hoạt động Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh; khuyến khích người dân, doanh nghiệp trao đổi, kiến nghị những nội dung liên quan qua đường dây nóng (0213.3.883.388) để kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, xử lý.

- Chủ trì, giúp UBND tỉnh thực hiện rà soát, đánh giá, cung cấp dịch vụ công toàn trình, dịch vụ công một phần; đảm bảo hoạt động của Cổng Thông tin điện tử tỉnh theo hướng mở, thuận lợi và thân thiện để tiếp thu các ý kiến đóng góp của Nhân dân, doanh nghiệp, đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời việc tra cứu thông tin của Nhân dân và doanh nghiệp, nhà đầu tư.

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 về phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/ 6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử và Nghị quyết 131/NQ-CP ngày 06/10/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tăng cường tham mưu lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện tốt công tác đối thoại, gặp gỡ doanh nghiệp (như tổ chức Hội nghị gặp gỡ, đối thoại, tổ chức các buổi gặp gỡ Doanh nghiệp tại Chương trình Cafe doanh nhân...) để lắng nghe và nắm bắt các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư; kịp thời có những giải pháp cho người dân, doanh nghiệp.

- Tăng cường tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường, các cơ quan có liên quan về việc trả lời đề xuất, tổ chức thực hiện và tính kịp thời, hiệu quả giải quyết kiến nghị của doanh nghiệp.

2.4. CSTP “Tính minh bạch”

a) Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

b) Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan.

c) Nhiệm vụ:

- Chủ trì tham mưu, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện việc tiếp nhận, hỗ trợ tư vấn, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trên chuyên mục “Phản ánh, kiến nghị văn bản quy phạm pháp luật” trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và chuyên mục “Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp” trên Trang Thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Lai Châu để kịp thời hướng dẫn, giải đáp các quy định của Trung ương, của tỉnh có liên quan.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường thực hiện tốt việc công khai, công bố các văn bản, tài liệu về ngân sách, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các dự án xây dựng, cơ sở hạ tầng, các chính sách ưu đãi đầu tư,... thường xuyên cập nhật, đăng tải văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành nói chung và văn bản quy phạm pháp luật liên quan

đến hoạt động của doanh nghiệp và các văn bản có liên quan về thủ tục đăng ký dự án đầu tư, đăng ký kinh doanh, các TTHC liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp nói riêng lên Cổng thông tin điện tử tỉnh, các Trang thông tin điện tử của Sở, ban, ngành và Trang thông tin điện tử của UBND các xã, phường. Kịp thời cung cấp thông tin, văn bản của Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh, văn bản của ngành, địa phương liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp có nhu cầu, ngay sau khi nhận được đề nghị của doanh nghiệp.

- Tiếp tục tham mưu, đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chú trọng tiến hành lấy ý kiến chuyên gia, người dân, doanh nghiệp có liên quan trong quá trình xây dựng chính sách, quy định trên địa bàn, qua đó tiếp thu hoàn thiện các quy định, chính sách một cách phù hợp, đảm bảo văn bản được ban hành có tính khả thi cao; phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh trong quá trình xây dựng chính sách, quy định để thông qua đó nhận được những ý kiến, những phản biện mang tính đại diện cao hơn đảm bảo chính sách, quy định sát với thực tế và có nhiều giải pháp hỗ trợ tốt hơn cho cộng đồng doanh nghiệp.

- Tham mưu UBND tỉnh, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật để phổ biến các chủ trương, chính sách pháp luật cho doanh nghiệp; Tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ như: tìm kiếm thông tin thị trường, tư vấn pháp luật, dịch vụ pháp lý, tìm kiếm đối tác kinh doanh nhằm bảo đảm quyền, lợi ích cho doanh nghiệp.

2.5. CSTP “Chi phí không chính thức” và “Chi phí thời gian”

a) Cơ quan chủ trì: Thanh tra tỉnh.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Ngân hàng nhà nước và các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan.

c) Nhiệm vụ:

- Chỉ đạo các cơ quan thanh tra địa phương và phối hợp với các cơ quan thanh tra ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt các quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra; Tăng cường phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực trong hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp để tránh chồng chéo.

- Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật; kịp thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tham mưu giúp UBND tỉnh trả lời, xử lý, giải quyết các kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp khi được giao

nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, ngừa tham nhũng, tiêu cực; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 1390/KH-UBND ngày 24/7/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Công điện số 724/CD-TTg ngày 18/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ; chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời những hành vi dễ phát sinh tham nhũng, tiêu cực trong thực thi công vụ.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước, trong việc phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; công khai kết luận thanh tra, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo; các văn bản liên quan đến đầu tư - kinh doanh, đất đai, quy trình, thời hạn giải quyết công việc; các khoản phí, lệ phí để đảm bảo doanh nghiệp, người dân dễ tiếp cận để tìm hiểu và thực hiện. Thường xuyên rà soát, kiến nghị cắt giảm các TTHC không cần thiết, đơn giản hóa thủ tục, giấy tờ, cắt giảm thời gian giải quyết và các khoản chi phí không hợp lý; nâng cao chất lượng giải quyết dịch vụ công trực tuyến.

- Tiếp tục chỉ đạo ngành Thanh tra thực hiện nghiêm túc Thông tư số 01/2021/TT-TTCTP ngày 11/3/2021 của Thanh tra Chính phủ Quy định quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Thanh tra và cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân; Chỉ thị số 769/CT-TTCTP ngày 17/5/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ, Kế hoạch số 1390/KH-UBND ngày 24/7/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; thực tốt việc giám sát hoạt động của công chức, viên chức, các đoàn thanh tra, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ.

2.6. CSTP “Đào tạo lao động”

a) Cơ quan chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan.

c) Nhiệm vụ:

- Thực hiện tốt công tác phân luồng học sinh; đổi mới chương trình, giáo trình, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở đào tạo nghề đảm bảo đồng bộ, hiện đại.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, giáo dục nghề nghiệp đáp ứng được nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp, góp phần tăng tỷ lệ lao động đang làm việc tại doanh nghiệp được đào tạo nghề.

- Chủ trì, phối hợp đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động, tăng cường liên kết tuyển dụng, đào tạo, cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; rà soát, bổ sung và xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ liên quan đến đào tạo, tuyển dụng lao động, chính sách người lao động học nghề; tư vấn các ngành nghề học phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Rà soát nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp; điều chỉnh cơ cấu ngành nghề đào tạo theo hướng tăng tỷ lệ lao động được đào tạo ngành phi nông nghiệp và dịch vụ và giảm tỷ lệ lao động đào tạo nghề nông nghiệp.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh; tăng cường giới thiệu, kết nối việc làm giữa người lao động với các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; tạo điều kiện cho các công ty, doanh nghiệp tư nhân tham gia tư vấn, giới thiệu việc làm, để người sử dụng lao động tuyển dụng được lao động theo nhu cầu và người lao động tìm được việc làm phù hợp.

- Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC; tăng cường giải quyết TTHC trên không gian mạng, góp phần giảm chi phí cho doanh nghiệp, người lao động.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, kịp thời xử lý vi phạm trong thực hiện đào tạo lao động và giải quyết hồ sơ, TTHC liên quan đến người dân và doanh nghiệp.

2.7. CSTP “Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự”

a) Cơ quan chủ trì: Tòa án nhân dân tỉnh.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Thi hành án dân sự và các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan

c) Nhiệm vụ:

- Nâng cao chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ án; thực hiện tốt nguyên tắc tranh tụng, đảm bảo các phán quyết của Tòa án đúng pháp luật, đảm bảo công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; Chú trọng làm tốt công tác hòa giải trong giải quyết các vụ án về kinh tế và công tác đối thoại trong giải quyết các vụ án hành chính. Không để việc tạm đình chỉ giải quyết các vụ án thiếu căn cứ, đảm bảo giải quyết các vụ án đúng thời hạn theo quy định của pháp luật; Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan khác có liên quan đảm bảo tiến độ

giải quyết các vụ án dân sự, kinh doanh thương mại; nâng cao chất lượng giải quyết các loại án.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về quy tắc ứng xử của công chức Toà án nhân dân, bộ quy tắc đạo đức và ứng xử của thẩm phán, quy định về xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong TAND; Thường xuyên giáo dục, nâng cao ý thức trách nhiệm, quản lý, giám sát chặt chẽ hoạt động công vụ của thẩm phán, công chức và người lao động; xem xét trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị khi có thẩm phán, công chức và người lao động vi phạm kỷ luật.

- Tập trung tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật có liên quan như: Luật Tổ cáo năm 2018; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP..., đồng thời đăng tải văn bản pháp luật, tin tức, sự kiện hoạt động của Ban chỉ đạo TW và địa phương về phòng chống về phòng chống tham nhũng, tiêu cực lên Chuyên mục của trang TTĐT Tòa án để cán bộ, công chức, Nhân dân tra cứu, tìm hiểu các quy định của pháp luật...

2.8. Chỉ số Cơ sở hạ tầng

Báo cáo PCI năm 2024 phản ánh thêm Chỉ số Cơ sở hạ tầng. Tuy không được đưa vào tính toán điểm số và xếp hạng PCI nhưng đây là Chỉ số thể hiện mối quan hệ giữa chất lượng điều hành kinh tế và chất lượng cơ sở hạ tầng.

a) Cơ quan chủ trì: Sở Xây dựng

b) Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan

c) Nhiệm vụ:

- Tham mưu cho UBND tỉnh các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng của tỉnh, đặc biệt là cải thiện hạ tầng công cộng. Bảo trì, bảo dưỡng, tối ưu hóa các cơ sở hạ tầng hiện tại; Tham mưu ứng dụng các nền tảng số, ứng dụng thông minh trong công tác quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng công cộng.

- Tham mưu cho UBND tỉnh về phát triển Hạ tầng Logistics và khu, cụm công nghiệp; tham mưu các cơ chế để thu hút doanh nghiệp tư nhân tham gia đầu tư hạ tầng; tham mưu các giải pháp sử dụng hợp lý nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng.

2.9. Các sở, ban, ngành khác

- Chủ trì, theo dõi các chỉ tiêu cụ thể của các CSTP được phân công.

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; Tiếp tục rà soát, đề xuất cắt giảm, đơn giản hóa các quy định TTHC còn rườm rà, chồng chéo; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ

trợ trực tiếp cho người dân, doanh nghiệp thực hiện các TTHC trực tuyến. Duy trì việc công khai, công bố các TTHC trên TTĐT Sở, ngành và niêm yết tại Trung tâm phục vụ HCC.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra theo lĩnh vực được giao; kịp thời nắm bắt thông tin, xử lý nghiêm minh các trường hợp cán bộ, công chức vi phạm chức năng nhiệm vụ, vi phạm đạo đức công vụ, gây phiền hà cho doanh nghiệp.

2.10. UBND các xã, phường

- Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất và hiệu quả “Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC” và “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030”.

- Đảm bảo các trang thiết bị và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp, Bộ phận Một cửa cấp xã; kiện toàn đầu mối làm công tác kiểm soát TTHC; đẩy mạnh nộp hồ sơ giải quyết TTHC trực tuyến, thanh toán phí, lệ phí hồ sơ giải quyết TTHC trực tuyến.

- Hằng năm tổ chức các buổi gặp mặt giữa Chủ tịch UBND xã, phường với các doanh nghiệp để nắm bắt tình hình, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn; Công khai và kịp thời công bố thông tin các tài liệu về quy hoạch, tài liệu pháp lý, tài liệu về ngân sách,... trên các phương tiện thông tin đại chúng để doanh nghiệp biết, phục vụ cho định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Phối hợp thực hiện tốt công tác thu hồi đất, bồi thường và giải phóng mặt bằng đảm bảo công khai, minh bạch, đúng quy định pháp luật và tôn trọng quyền lợi của doanh nghiệp, nhà đầu tư; Tăng cường phối hợp trong việc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; có cơ chế kiểm soát, ngăn ngừa cán bộ, công chức lợi dụng thanh tra, kiểm tra để nhũng nhiễu, gây bức xúc cho doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi đối với các doanh nghiệp trong nước tiếp cận đất đai, nguồn vốn... đảm bảo không có sự thiên vị giữa các loại hình doanh nghiệp; Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức chính trị, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là những người trực tiếp giải quyết các thủ tục cho cá nhân, hộ gia đình và doanh nghiệp.

2.11. Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp, Bộ phận Một cửa cấp xã

- Phát huy vai trò, trách nhiệm là đầu mối trong việc tiếp nhận, hướng dẫn, theo dõi và giải quyết hồ sơ, TTHC của tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền được giao. Tăng cường công tác phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị theo dõi, đôn đốc, thực hiện giải quyết hồ sơ đảm bảo đúng tiến độ, thời gian quy định.

- Công khai, niêm yết đầy đủ các TTHC/danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại Bộ phận Một cửa đảm bảo theo quy định. Thực hiện có hiệu quả số hóa hồ sơ và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC.

- Nâng cao hơn nữa thái độ phục vụ của công chức, viên chức; Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ, kỹ năng ứng xử, tiếp công dân... cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa. Thực hiện rà soát, sắp xếp nhân sự làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Bộ phận Một cửa ở cấp tỉnh, cấp xã; Bổ sung trang thiết bị kỹ thuật và các điều kiện cần thiết khác để triển khai việc số hóa đạt chất lượng, hiệu quả.

- Tăng cường công tác truyền thông, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC, thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia bằng nhiều hình thức đa dạng.

2.12. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Lai Châu

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các thành viên về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của Doanh nghiệp trong thực hiện hiện nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và cấp sở, ngành, địa phương (DDCI). Vận động cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đồng hành, chung tay cùng các cơ quan hữu quan tổ chức các hoạt động khảo sát, đánh giá năng lực cạnh tranh của tỉnh và các sở, ban, ngành.

- Đề nghị phát huy hơn nữa vai trò là “cầu nối” giữa doanh nghiệp với chính quyền và tích cực tham gia góp ý đối với các chính sách của nhà nước và địa phương để bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh lành mạnh;... đề xuất UBND tỉnh nội dung, kế hoạch đối thoại chính sách, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp tại các buổi đối thoại giữa UBND tỉnh và các doanh nghiệp.

- Chủ động nắm bắt tình hình của các doanh nghiệp, kịp thời cung cấp thông tin khi xảy ra chông chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp của các cơ quan nhà nước, phản ánh tình trạng những nhiễu trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức về UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ nội dung Kế hoạch này, UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện (hoàn thành trước ngày 30/7/2025), gửi về Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì theo dõi, tổng hợp, báo cáo việc xây dựng kế hoạch và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của các đơn vị. Trong quá trình triển khai nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các đơn vị gửi ý kiến về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Trên đây là Kế hoạch cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Lai Châu năm 2025 của UBND tỉnh Lai Châu./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Đ/c Bí thư các xã, phường;
- UBND các xã, phường;
- Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh Lai Châu;
- Báo Lai Châu;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- V: V, HC-QT, CB, C;
- Lưu: VT, HCC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Lương

Phụ lục 1:

BIỂU MỤC TIÊU CỤ THỂ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PCI TỈNH LAI CHÂU NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Chỉ số thành phần PCI	Năm 2024		Mục tiêu năm 2025		Đơn vị đầu mối/chủ trì theo dõi tổng hợp
		Điểm số, tỷ lệ %	Xếp hạng (so với cả nước)	Điểm số, tỷ lệ %	Xếp hạng (so với cả nước)	
Tổng		67,67	33	67,70-69,0	18-20	Sở Tài chính
1	Gia nhập thị trường	7,68	37	7,50	20	Sở Tài chính
2	Tiếp cận đất đai	6,57	34	6,65	19	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Tính minh bạch	6,90	14	7,00	8	Sở Tư pháp
4	Chi phí thời gian	7,30	39	7,35-7,40	21	Thanh tra tỉnh
5	Chi phí không chính thức	7,16	14	7,20-7,30	8	Thanh tra tỉnh
6	Cạnh tranh bình đẳng	5,97	28	6,05	16	Sở Tài chính
7	Tính năng động của chính quyền tỉnh	6,90	5	7,00	3	Văn phòng UBND tỉnh
8	Chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp	7,11	37	7,20	21	Sở Tài chính
9	Đào tạo lao động	5,37	60	5,45	34	Sở Giáo dục và Đào tạo
10	Thiết chế pháp lý	7,07	51	7,1-7,2	30	Tòa án Nhân dân tỉnh

Phụ lục 2:**ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI CHỦ TRÌ THEO DÕI CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ SỐ THÀNH PHẦN PCI NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
1	Gia nhập thị trường		Sở Tài chính	
	1.1.	Thời gian đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)	Sở Tài chính	
	1.2.	Tỷ lệ DN phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên	Sở Tài chính	
	1.3.	Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp - số ngày (Giá trị trung vị)	Sở Tài chính	
	1.4.	Tỷ lệ DN đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký doanh nghiệp thông qua hình thức mới như đăng ký trực tuyến, đăng ký ở trung tâm hành chính công hoặc qua bưu điện (%)	Sở Tài chính	
	1.5.	Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai (% DN Đồng ý)	Sở Tài chính	
	1.6.	Hướng dẫn thủ tục rõ ràng, đầy đủ (% DN Đồng ý)	Sở Tài chính	
	1.7.	Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn (% DN Đồng ý)	Sở Tài chính	
	1.8.	Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện (% DN Đồng ý)	Sở Tài chính	
	1.9.	Việc khai trình việc sử dụng lao động, đề nghị cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội và đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp được thực hiện đồng thời trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (% Đồng ý)	Sở Tài chính	
	1.10.	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện là rõ ràng, đầy đủ (%)	Sở Tài chính	
	1.11.	Doanh nghiệp không gặp khó khăn gì khi thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện (%)	Sở Tài chính	
	1.12.	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (% DN Đồng ý)	Sở Tài chính	
	1.13.	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (% DN đồng ý)	Sở Tài chính	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	1.14.	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (% DN Đồng ý)	Sở Tài chính	
	1.15.	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (%)	Sở Tài chính	
	1.16.	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục sửa đổi đăng ký doanh nghiệp (%)	Sở Tài chính	
	1.17.	Tỷ lệ DN phải hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	Sở Tài chính	
	1.18.	Tỷ lệ DN phải chờ hơn MỘT tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	Sở Tài chính	
	1.19.	Tỷ lệ DN phải chờ hơn BA tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	Sở Tài chính	
2	Tiếp cận đất đai		Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.1.	Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ (trung vị)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.2.	DN tư nhân không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh (% Đồng ý)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.3.	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về thiếu quỹ đất sạch (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.4.	Tỷ lệ DN gặp khó khăn về tiến độ giải phóng mặt bằng chậm (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.5.	Thông tin, dữ liệu về đất đai không được cung cấp thuận lợi, nhanh chóng (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.6.	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.7.	Cán bộ nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục hành chính không hướng dẫn chi tiết, đầy đủ (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.8.	Các thủ tục xác định giá trị quyền sử dụng đất rất mất thời gian (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.9.	DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp; 5=Rất cao)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	2.10	Tỷ lệ DN tin rằng sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.11.	Sự thay đổi bảng giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường (% Đồng ý)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.12.	Tỷ lệ DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.13.	Tỷ lệ DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu (%)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	2.14.	Tỷ lệ DN phải trì hoãn / hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
3	Tính minh bạch		Sở Tư pháp	
	3.1.	Tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Rất dễ; 5=Không thể)	Sở Tài chính	
	3.2.	Tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Rất dễ; 5=Không thể)	Sở Tư pháp	
	3.3.	Minh bạch trong đấu thầu (% Đồng ý)	Sở Tài chính	
	3.4.	Tỷ lệ DN nhận được thông tin, văn bản cần khi yêu cầu cơ quan trong tỉnh cung cấp (%)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	3.5.	Số ngày chờ đợi để nhận được thông tin, văn bản yêu cầu (Trung vị)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	3.6.	Thông tin trên website của tỉnh về các ưu đãi/khuyến khích/hỗ trợ đầu tư của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	Văn phòng UBND tỉnh	
	3.7.	Thông tin trên website của tỉnh về các quy định về thủ tục hành chính là hữu ích (% Đồng ý)	Văn phòng UBND tỉnh	
	3.8.	Thông tin trên website của tỉnh về các văn bản điều hành, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	Văn phòng UBND tỉnh	
	3.9.	Thông tin trên các website của tỉnh về các văn bản pháp luật của tỉnh là hữu ích (% Đồng ý)	Văn phòng UBND tỉnh	
	3.10.	Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh (% Quan trọng hoặc Rất quan trọng)	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Lai Châu	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	3,11	Thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh (% Đồng ý)	Cơ quan phụ trách về thuế tại tỉnh	
	3,12	Thỏa thuận về các khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế giúp doanh nghiệp giảm được số thuế phải nộp (% Đồng ý)	Cơ quan phụ trách về thuế tại tỉnh	
	3,13	Vai trò của các hiệp hội DN địa phương trong việc xây dựng và phản biện chính sách, quy định của tỉnh là quan trọng (% DN)	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Lai Châu	
	3,14	Khả năng dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (% Có thể)	Sở Tư pháp	
	3,15	Khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (% Có thể)	Sở Tư pháp	
	3,16	Chất lượng website của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	
	3,17	Tỷ lệ DN thường xuyên truy cập vào website của UBND tỉnh (%)	Văn phòng UBND tỉnh	
4	Chi phí thời gian		Thanh tra tỉnh	
	4.1.	Tỉ lệ DN dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện QĐPL (%)	Sở Tư pháp	
	4.2.	Cán bộ nhà nước thân thiện (% Đồng ý)	Sở Nội vụ	
	4.3.	Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả (% Đồng ý)	Sở Nội vụ	
	4.4.	DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	4.5.	Thủ tục giấy tờ đơn giản (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	4.6.	Phí, lệ phí được công khai (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	4.7.	Thời gian thực hiện TTHC được rút ngắn hơn so với quy định (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	4.8.	Tỷ lệ DN không gặp khó khăn khi thực hiện TTHC trực tuyến (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	4.9.	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm thời gian cho DN (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	4.10	Thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết giảm chi phí cho DN (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	4,11	Tỷ lệ DN cho biết nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)	Thanh tra tỉnh	
	4,12	Tỷ lệ DN cho biết bị thanh kiểm tra trên 3 lần một năm	Thanh tra tỉnh	
	4,13	Tỷ lệ DN nhận thấy cán bộ thanh, kiểm tra lợi dụng thực thi công vụ nhũng nhiễu doanh nghiệp (%)	Thanh tra tỉnh	
	4,14	Số giờ thanh, kiểm tra thuế mỗi cuộc (trung vị)	Cục Thuế tỉnh	
5	Chi phí không chính thức		Thanh tra tỉnh	
	5.1.	Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản CPKCT (% Đồng ý)	Thanh tra tỉnh	
	5.2.	Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi trả CPKCT (% thường xuyên hoặc luôn luôn)	Thanh tra tỉnh	
	5.3.	Hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến (% Đồng ý)	Thanh tra tỉnh	
	5.4.	Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Thanh tra tỉnh	
	5.5.	Tỷ lệ DN chỉ trả chi phí không chính thức cho cán bộ thanh, kiểm tra (%)	Thanh tra tỉnh	
	5.6	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục ĐKDN / sửa đổi ĐKDN (%)	Thanh tra tỉnh	
	5.7	Tỷ lệ DN trả CPKCT khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	Thanh tra tỉnh	
	5.8	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra phòng cháy, chữa cháy (%)	Thanh tra tỉnh	
	5,9	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra môi trường (%)	Thanh tra tỉnh	
	5.10.	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ quản lý thị trường (%)	Thanh tra tỉnh	
	5.11.	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra thuế (%)	Thanh tra tỉnh	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	5.12.	Tỷ lệ DN trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra xây dựng	Thanh tra tỉnh	
	5.13.	DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức	Thanh tra tỉnh	
	5.14.	Tỷ lệ DN chi trả chi phí không chính thức để đẩy nhanh việc thực hiện thủ tục đất đai (% DN)	Thanh tra tỉnh	
	5.15.	Chi trả "hoa hồng" là cần thiết để có cơ hội thắng thầu (% Đồng ý)	Thanh tra tỉnh	
	5.16.	Có tranh chấp song không lựa chọn Tòa án để giải quyết do lo ngại tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
6	Cạnh tranh bình đẳng		Sở Tài chính	
	6.1.	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp cho địa phương như số lao động sử dụng, số thuế phải nộp hoặc tài trợ/hỗ trợ khác (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	6.2.	Tinh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	6.3.	Tinh ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	6.4.	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	6.5.	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	6.6.	Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	6.7.	Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
	6.8.	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	6.9.	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% Đồng ý)	Cơ quan phụ trách về thuế tại tỉnh	
	6.10.	Việc tinh ưu ái cho DN lớn (cả DNNN và tư nhân) gây khó khăn cho doanh nghiệp (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	6.11.	Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các DN có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh” (% Đồng ý)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
7	Tính năng động của chính quyền tỉnh		Văn phòng UBND tỉnh	
	7.1.	Thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực (% DN)	Văn phòng UBND tỉnh	
	7.2.	Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương: “trì hoãn thực hiện và xin ý kiến chỉ đạo” và “không làm	Văn phòng UBND tỉnh	
	7.3.	Các Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	7.4.	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi (%Đồng ý)	Văn phòng UBND tỉnh	
	7.5.	UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh (% Đồng ý)	Văn phòng UBND tỉnh	
	7.6.	Chính quyền cấp huyện, thị xã không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh, thành phố (% Đồng ý) <i>(sẽ sửa đổi, thay thế khi VCCI có sự thay đổi)</i>	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	7.7	Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp tại tỉnh (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	7.8	Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động là ổn định và nhất quán (% Đồng ý)	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
	7.9	Tỷ lệ DN tin tưởng rằng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh của mình	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	
8	Chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp		Sở Tài chính	
	8.1.	Thủ tục cấp bảo lãnh tín dụng cho DNNVV để thực hiện (%)	Cơ quan phụ trách về Ngân hàng nhà nước tại tỉnh	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	8.2.	Thủ tục để được CQNN hỗ trợ tăng cường năng lực doanh nghiệp để thực hiện (%)	Sở Tài chính	
	8.3.	Thủ tục để được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm CN là dễ thực hiện (%)	Các sở: NN&MT, TC, UBND các xã, phường	
	8.4.	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn pháp luật khi sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%)	Sở Tư pháp	
	8.5.	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tư vấn thông tin thị trường khi sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên của CQNN để thực hiện (%)	Sở Tư pháp	
	8.6.	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí tham gia các khóa đào tạo có sử dụng ngân sách nhà nước về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp để thực hiện (%)	Sở Tài chính	
	8.7.	Thủ tục để được miễn, giảm chi phí đào tạo nghề cho người lao động để thực hiện (%)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	8.8.	Chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA của các CQNN địa phương đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp (% Đáp ứng)	Sở Công Thương	
	8.9.	Vướng mắc trong thực hiện các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA) được CQNN địa phương giải đáp hiệu quả (%) -	Sở Công Thương	
	8.10.	Tỷ lệ DN có biết đến các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs	Sở Công Thương	
	8.11.		Sở Công Thương	
	8.12.	Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)	Sở Tài chính	
	8.13.	Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)	Sở Tài chính	
9	Đào tạo lao động		Sở Giáo dục và Đào tạo	
	9.1.	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng lao động phổ thông tại tỉnh là dễ dàng (%)	Sở Nội vụ	
	9.2.	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ kỹ thuật tại tỉnh là dễ dàng (%)	Sở Nội vụ	
	9.3.	Tỷ lệ DN đánh giá việc tuyển dụng cán bộ quản lý, giám sát tại tỉnh là dễ dàng (%)	Sở Nội vụ	
	9.4.	Tỷ lệ chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	Sở Nội vụ	
	9.5.	Tỷ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)	Sở Nội vụ	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	9.6.	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	9.7.	Tỷ lệ lao động tại DN đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (%)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	9.8.	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (% , TCTK)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	9.9.	Lao động tại địa phương đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của DN (%)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	9.10.	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% Đồng ý)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
	9.11.	Điểm thi trung bình kỳ thi tốt nghiệp THPT (BGDĐT)	Sở Giáo dục và Đào tạo	
10	Thiết chế pháp lý		Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.1.	Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi sai phạm của CBNN (% Thường xuyên hoặc Luôn luôn)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.2.	Tỷ lệ DN tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng (% Đồng ý)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.3.	Tỷ lệ DN sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp (%)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.4.	Tỷ lệ DN tin rằng cấp trên không bao che và sẽ nghiêm túc xử lý kỷ luật cán bộ sai phạm (% Đồng ý)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.5.	Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật (% Đồng ý)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.6.	Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng (% Đồng ý)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.7.	Phán quyết của tòa án được thi hành nhanh chóng (% Đồng ý)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.8.	Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp (% Đồng ý)	Cục Thi hành án tỉnh	
	10.9.	Các chi phí chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.10.	Các chi phí không chính thức từ khi khởi kiện đến khi bản án được thi hành ở mức chấp nhận được (% Đồng ý)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.11.	Phán quyết của toà án là công bằng (% Đồng ý)	Tòa án Nhân dân tỉnh	

STT	Chỉ số thành phần PCI		Đơn vị đầu mối/chủ trì	Ghi chú
	10.12.	Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp (TANDTC)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.13	Tỷ lệ nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Toà án kinh tế tỉnh (% , TANDTC)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.14	Tỷ lệ các vụ án kinh tế đã được giải quyết (% , TANDTC)	Tòa án Nhân dân tỉnh	
	10.15	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh là tốt (%)	Công an tỉnh	
	10.16	Tỷ lệ DN bị trộm cắp hoặc đột nhập vào năm vừa qua (%)	Công an tỉnh	
	10,17	Cơ quan công an sở tại xử lý vụ việc của DN hiệu quả (%)	Công an tỉnh	
	10,18	Tỷ lệ DN phải trả tiền bảo kê cho các băng nhóm côn đồ, tổ chức xã hội đen để yên ổn làm ăn (%)	Công an tỉnh	